

## BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

**Lớp học** : 33 Cao đẳng xây dựng DD & CN 1

**Ngành** : Xây dựng dân dụng và công nghiệp

**Hệ DT** : Cao đẳng

**Học Phần** : Thí nghiệm Hoá học

**Năm học** : 2009 - 2010

**Học Kỳ** : 2 **ĐVHT** : 1

**Lần** : 1

| STT | MÃ SỐ      | HỌ VÀ TÊN        |       | NGÀY SINH  | ĐIỂM | GHI CHÚ |
|-----|------------|------------------|-------|------------|------|---------|
| 1   | 3375010005 | Đỗ Duy           | Anh   | 15/03/1991 | 7.0  |         |
| 2   | 3375010022 | Tạ Ngọc          | Chính | 20/05/1991 | 7.0  |         |
| 3   | 3375010031 | Nguyễn           | Cường | 26/10/1991 | 7.0  |         |
| 4   | 3375010052 | Nguyễn Quang     | Duy   | 01/06/1989 | 5.0  |         |
| 5   | 3375010065 | Nguyễn Hoàng     | Dương | 06/11/1991 | 5.0  |         |
| 6   | 3375010067 | Nguyễn Văn       | Dương | 15/11/1991 | 5.0  |         |
| 7   | 3375010081 | Đào Duy          | Điệp  | 02/01/1991 | 6.0  |         |
| 8   | 3375010082 | Mai Minh         | Điệp  | 14/01/1991 | 6.0  |         |
| 9   | 3375010086 | Phạm Thanh       | Đồng  | 23/06/1990 | 6.0  |         |
| 10  | 3375010097 | Huỳnh Long       | Giao  | 15/09/1991 | 9.0  |         |
| 11  | 3375010098 | Hà Văn           | Giảng | 25/09/1991 | 7.0  | Học lại |
| 12  | 3375010101 | Trần Đăng        | Hậu   | 20/09/1991 | 7.0  | Học lại |
| 13  | 3375010107 | Lê Bá            | Hải   | 30/10/1990 | 0.0  |         |
| 14  | 3375010116 | Vì Thanh         | Hải   | 18/01/1990 | 9.0  |         |
| 15  | 3375010118 | Trương Thanh     | Hiền  | 20/06/1991 | 6.0  |         |
| 16  | 3375010121 | Châu Quốc        | Hoàng | 12/08/1991 | 6.0  | Học lại |
| 17  | 3375010128 | Nguyễn Khắc      | Hùng  | 20/12/1988 | 6.0  |         |
| 18  | 3375010135 | Lê Việt          | Hơn   | 07/06/1991 | 6.0  |         |
| 19  | 3375010143 | Nguyễn Văn       | Kháng | 23/02/1990 | 5.0  |         |
| 20  | 3375010147 | Trương Văn       | Khánh | 17/01/1991 | 5.0  |         |
| 21  | 3375010157 | Huỳnh Nguyễn     | Kính  | 28/02/1991 | 0.0  | Học lại |
| 22  | 3375010158 | Nguyễn Ngọc      | Kỳ    | 03/03/1991 | 10.0 |         |
| 23  | 3375010169 | Trương Xuân      | Linh  | 26/05/1990 | 6.0  |         |
| 24  | 3375010186 | Nguyễn Văn       | Lý    | 10/07/1991 | 8.0  |         |
| 25  | 3375010189 | Bùi Văn          | Mão   | 16/05/1988 | 6.0  | Học lại |
| 26  | 3375010206 | Lê Trọng         | Nghĩa | 10/03/1991 | 5.0  |         |
| 27  | 3375010214 | Nguyễn Trọng     | Nhân  | 11/11/1991 | 9.0  |         |
| 28  | 3375010229 | Hoàng Ngọc       | Phong | 01/07/1990 | 6.0  | Học lại |
| 29  | 3375010257 | Nguyễn Phúc Minh | Quân  | 08/04/1991 | 8.0  |         |
| 30  | 3375010267 | Nguyễn Đức       | Sang  | 10/09/1990 | 7.0  | Bảo lưu |
| 31  | 3375010268 | Nguyễn Ngọc      | Sang  | 20/07/1991 | 5.0  |         |
| 32  | 3375010269 | Trang Quốc       | Sang  | 18/04/1989 | 5.0  |         |

| STT | MÃ SỐ      | HỌ VÀ TÊN    |       | NGÀY SINH  | ĐIỂM | GHI CHÚ        |
|-----|------------|--------------|-------|------------|------|----------------|
| 33  | 3375010286 | Phan Tăng    | Tân   | 04/02/1991 | 7.0  |                |
| 34  | 3375010295 | Lê Hải       | Thanh | 09/08/1988 | 7.0  | <b>Học lại</b> |
| 35  | 3375010296 | Nguyễn Cao   | Thanh | 01/08/1991 | 5.0  |                |
| 36  | 3375010298 | Phạm Văn     | Thanh | 10/12/1991 | 6.0  |                |
| 37  | 3375010302 | Hồ Văn       | Thắng | 16/01/1990 | 6.0  |                |
| 38  | 3375010324 | Mai Thành    | Thống | 26/03/1991 | 8.0  |                |
| 39  | 3375010334 | Huỳnh Văn    | Thịnh | 20/08/1990 | 6.0  | <b>Học lại</b> |
| 40  | 3375010342 | Nguyễn Quốc  | Tiến  | 25/05/1990 | 6.0  |                |
| 41  | 3375010362 | Phạm Thanh   | Trung | 03/01/1991 | 7.0  |                |
| 42  | 3375010365 | Phan Đình    | Trị   | 25/01/1991 | 5.0  |                |
| 43  | 3375010390 | Nguyễn Thanh | Tùng  | 22/11/1991 | 0.0  | <b>Học lại</b> |
| 44  | 3375010392 | Phạm Chí     | Tuyến | 25/12/1991 | 5.0  |                |
| 45  | 3375010395 | Đỗ Minh      | Ty    | 20/04/1990 | 6.0  |                |
| 46  | 3375010406 | Vy Thanh     | Vinh  | 09/06/1991 | 7.0  | <b>Học lại</b> |
| 47  | 3375010414 | Dương Mạnh   | Vĩnh  | 15/07/1989 | 6.0  |                |
| 48  | 3375010415 | Nguyễn Quốc  | Vĩnh  | 21/06/1991 | 6.0  | <b>Học lại</b> |
| 49  | 3375010418 | Nguyễn Minh  | Vương | 20/05/1990 | 5.0  |                |

TPHCM, ngày ....../....../.....

**Trưởng Khoa**

**GVBM**

**Giáo Vụ Khoa**